TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2025/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 109/2025/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn GH, huyện D, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Phạm Thanh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Phạm Thanh L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Phạm Thanh L thống nhất con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Phạm Thanh L thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình hòa giải thành bằng 150.000 đồng, mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Bà Phan Thị Cẩm T và ông Phạm Thanh L thống nhất bà T nộp và tự nguyện nộp thay ông L, do vậy bà T phải nộp 150.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006626 ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, đối trừ bà T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND TT.Gành Hào, huyện D;
(Giấy CNKH số 19 ngày 29/01/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Nhiều